

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
V/v “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế theo di chúc*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XT, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An;

Bà Nguyễn Thị Minh H;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện XT.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện XT tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện XT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 21/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Trần B, sinh năm 2004; địa chỉ: Xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn M, xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Ninh, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023).

(Tại phiên tòa có mặt bà Ninh; vắng mặt bà L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại

phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Bà ngoại anh B là cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1949, ở xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định; đã chết ngày 04/8/2022. Sinh thời bà ngoại anh không kết hôn, xây dựng gia đình chung sống với ai, nhưng bà ngoại anh sinh được 2 người con là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 và mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị H, sinh năm 1979.

Tài sản của cụ L có thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 510m² (gồm ONT 210m², CLN 180m², NTS 120m²) ở xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định, ngày 28/5/2007 UBND huyện XT, tỉnh Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị L.

Khi bà L và mẹ đẻ anh là bà H lấy chồng thì đều ra ở riêng, chỉ còn một mình bà ngoại anh ở trên thửa đất này. Năm 2003 bố mẹ anh kết hôn, sau khi sinh anh được hơn một năm thì bố mẹ xảy ra mâu thuẫn, mẹ anh đã sống ly thân và dẫn anh về ăn ở chung cùng nhà đất với bà ngoại anh. Đến năm 2011 bố mẹ anh ly hôn và mẹ con anh vẫn tiếp tục ăn ở chung cùng nhà đất với bà ngoại anh.

Ngày 01/10/2008 bà ngoại anh đã làm thủ tục tặng cho mẹ đẻ anh được quyền sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 08, diện tích 306m² (gồm ONT 210m², NTS 96m²). Còn lại thửa số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) vẫn đứng tên bà ngoại anh sử dụng.

Đến năm 2018 mẹ đẻ anh kết hôn với người khác và chuyển khẩu về chung sống tại quê chồng mới. Còn lại mình anh vẫn ăn ở chung sống cùng với bà ngoại anh.

Vì ý nguyện của bà ngoại anh nói sẽ cho anh là cháu ngoại bị bệnh bẩm sinh khuyết tật nặng được quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²), nhưng vì anh còn nhỏ chưa đến tuổi trưởng thành nên ngày 02/11/2015 bà ngoại anh đã đến UBND xã XC, huyện XT lập di chúc, có nội dung để lại cho anh được thừa kế hưởng toàn bộ thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) có chứng thực của UBND xã XC. Bản di chúc này UBND xã XC lưu giữ 01 bản và một bản bà ngoại anh là cụ Nguyễn Thị L đã giao cho mẹ đẻ anh là bà H giữ để khi bà ngoại anh chết mà anh chưa đến tuổi trưởng thành để làm thủ tục đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc.

Đến hết tháng 6/2022, anh vừa đủ 18 tuổi thì tháng 8/2022 không may bà ngoại anh chết chưa kịp làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh và chỉ còn lại một mình anh ở sử dụng trên thửa đất này. Sau đó mẹ con anh đề nghị UBND xã XC làm thủ tục đăng ký cho anh được thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) theo bản di chúc của bà ngoại cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015, nhưng bà L không nhất trí xác nhận nên anh không thực hiện được việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thừa kế theo di chúc của bà ngoại anh.

Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện XT giải quyết: Công nhận bản di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015 tại UBND xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định là hợp pháp. Chia cho anh được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015 quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) ở xóm 4, xã XC, huyện

XT, tỉnh Nam Định, đã được UBND huyện XT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/2007 mang tên cụ Nguyễn Thị L.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản mà mẹ đẻ bà có là đúng. Về lý do em gái bà là Phạm Thị H mang họ Phạm là khi mẹ bà quan hệ với người đàn ông họ Phạm sinh ra bà H thì mẹ bà lấy luôn họ ông ấy. Bà khẳng định chị em bà chỉ có duy nhất một mình mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị L mà không có ai khác. Di sản của cụ L để lại có thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 510m² (gồm ONT 210m², CLN 180m², NTS 120m²) ở xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định, ngày 28/5/2007 UBND huyện XT, tỉnh Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị L.

Khi cụ còn sống cháu B ở cùng với cụ, bà đi lấy chồng người cùng xóm, còn mẹ cháu B đi lấy chồng mới. Ngày 01/10/2008 cụ L đã làm thủ tục tặng cho bà H được quyền sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 08, diện tích 306m² (gồm ONT 210m², NTS 96m²) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H thì bà không có ý kiến gì. Còn lại thửa số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) vẫn đứng tên cụ L sử dụng. Sau đó mẹ bà đã lập di chúc cho cháu B hay không thì bà không được biết. Nay ý kiến của bà về diện tích 204m² đất trên bà sẽ sung quỹ UBND xã XC, tặng nhà nước để làm đất công, hoặc nhà tình thương thì bà không có ý kiến gì, nhưng tuyệt đối không được bán cho bà H hay cháu B.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Thị L, chết ngày 04/8/2022. Sinh thời mẹ đẻ bà không kết hôn xây dựng gia đình chung sống với ai, nhưng mẹ đẻ bà sinh được 2 người con đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng là bà Nguyễn Thị L và bà là Phạm Thị H.

Tài sản của cụ L tạo lập có: Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 510m² (gồm ONT 210m², CLN 180m², NTS 120m²) ở xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định, ngày 28/5/2007 UBND huyện XT, tỉnh Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Nguyễn Thị L. Sau khi bà L và bà kết hôn xây dựng gia đình riêng ở cùng xã XC thì chỉ còn một mình cụ L ở trên thửa đất này. Đến năm 2003 bà kết hôn và sinh cháu B được hơn một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà đã sống ly thân và dẫn cháu B về ăn ở chung cùng nhà đất với cụ L. Đến năm 2011, bà và chồng ly hôn và mẹ con bà vẫn tiếp tục ăn ở chung cùng nhà đất với mẹ đẻ bà.

Ngày 25/8/2008, cụ L đã tách thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 510m² thành 2 thửa: Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 08, diện tích 306m² (gồm ONT 210m², NTS 96m²) và thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²). Ngày 01/10/2008, cụ L đã làm thủ tục tặng cho bà được quyền sử dụng thửa đất số 155, tờ bản đồ số 08, diện tích 306m² (gồm ONT 210m², NTS 96m²). Còn lại thửa số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) vẫn đứng tên cụ L sử dụng.

Đến năm 2018, bà kết hôn với người khác và chuyển khẩu về chung sống tại tỉnh TB. Còn lại cháu B vẫn ăn ở chung sống cùng với cụ L.

Vì ý nguyện của cụ L nói sẽ cho cháu B là cháu ngoại bị bệnh bẩm sinh khuyết tật nặng được quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích

204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²), nhưng vì cháu B còn nhỏ chưa đến tuổi trưởng thành nên ngày 02/11/2015 cụ L đã đến UBND xã XC lập di chúc, có nội dung để lại cho cháu B được thừa kế hưởng toàn bộ thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) có chứng thực của UBND xã XC. Bản di chúc này UBND xã XC lưu giữ 01 bản và một bản cụ L đã giao bà giữ để khi cụ chết mà cháu B chưa đến tuổi trưởng để làm thủ tục đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc.

Đến hết tháng 6/2022 cháu B vừa đủ 18 tuổi thì tháng 8/2022 cụ L chết chưa kịp làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho cháu B và chỉ còn lại một mình cháu B ở sử dụng trên thửa đất này. Sau đó mẹ con bà đề nghị UBND xã XC làm thủ tục đăng ký cho cháu B được thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (gồm CLN 180m², NTS 24m²) theo bản di chúc của cụ L lập ngày 02/11/2015, nhưng bà L không nhất trí xác nhận nên cháu B không thực hiện được việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thừa kế theo di chúc của cụ L. Nay bà hoàn toàn nhất trí với nội dung yêu cầu đơn khởi kiện của cháu B và đề nghị Tòa án nhân dân huyện XT giải quyết cho cháu được quyền sử dụng đất được thừa kế theo di chúc của cụ L.

Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã XC và hồ sơ địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện XT cung cấp, nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp như sau:

* Về quan hệ gia đình, nguồn gốc đất tranh chấp: Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1949, chết ngày 04/8/2022, cụ L không kết hôn với ai, cụ L có 02 người con đẻ, không có con nuôi là Nguyễn Thị L (bà L xây dựng gia đình ở riêng và hiện ở xóm 4, xã XC) và Phạm Thị H (hiện bà H đi xây dựng gia đình và ở bên TB).

Bản đồ địa chính lập năm 1987 thể hiện thửa đất số 327 tờ bản đồ số 02b với diện tích 700 m². Trong đó đất ở 360m², đất vườn 148 m², đất ao 192 m² đứng tên Nguyễn Thị L;

Bản đồ địa chính xã XC năm 1995 thể hiện thửa số 103, tờ bản đồ số 8 với diện tích 510 m² trong đó đất ở 210 m², đất vườn 180m², đất ao 120 m². Cụ Nguyễn Thị L đã được Ủy ban nhân dân huyện XT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này vào ngày 28/5/2007;

Ngày 25/8/2008 thửa đất số 103 tách thành 02 thửa: Thửa số 103 diện tích 204 m² gồm đất vườn 180 m², đất ao 24 m² và thửa 155 diện tích 306 m² gồm đất ở 210 m², đất ao 96 m²;

Ngày 01/10/2008 thửa 155 cho tặng con là Phạm Thị H, bà H đã được Ủy ban nhân dân huyện XT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 08 với diện tích 306 m² trong đó đất ở 210 m², đất ao 96 m² vào ngày 06/11/2008.

Ngày 02/11/2015 cụ L có lập một di chúc với nội dung “tôi là chủ sở hữu thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, tổng diện tích 510 m², đã làm sổ đỏ do UBND huyện XT cấp ngày 28/5/2007, phía đông giáp đê TW, phía tây giáp nhà ông Sinh, phía Nam giáp trục đường xã, phía bắc giáp đê TW. Trong đó đã tách thửa cho con gái là Phạm Thị H với diện tích 306 m², còn lại là 204 m². Nay tôi lập di chúc này

để lại cho cháu tôi tên là Nguyễn Trần B sinh ngày 06/6/2004 địa chỉ xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định sẽ được thừa hưởng toàn bộ 204 m² thuộc sở hữu của tôi như đã nêu trên do tôi để lại. Tôi không để lại di sản thừa kế cho bất kỳ một ai khác”. Di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã XC chứng thực nội dung theo số chứng thực 56/2015 quyền số 01/2015. Bản di chúc này UBND xã XC đang lưu giữ 01 bản và 01 bản cụ L giữ.

Thời gian gần đây sau khi cụ L chết, mẹ con bà H và cháu B có đến Ủy ban nhân dân xã XC làm thủ tục đăng ký cho cháu B được quyền sử dụng thửa đất 103, tờ bản đồ số 08 với diện tích 204 m² theo nội dung bản di chúc thì bà L không nhất trí ký xác nhận nên cháu B không thực hiện được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa kế theo di chúc và đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

Kết quả đo đạc thực tế ngày 06/7/2023 thì thửa đất tranh chấp đo hiện trạng là 212 m² đất vườn, trong đó diện tích đất Ủy ban nhân dân xã quản lý là 21 m² nên đất tranh chấp còn lại là 191 m².

Về diện tích đất có biến động từ bản đồ năm 1987 và đến khi tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất sang tên bà H và kết quả đo đạc thực tế đất tranh chấp hiện là 191 m² (do làm đường gom chân đê, và có thể sai số do đo đạc).

Quan điểm của địa phương: Trước đây bà L, bà H đều đi xây dựng gia đình và ở riêng, sau đó vợ chồng bà H mâu thuẫn không ở với nhau được nên bà H ly hôn. Bà H dẫn con trai là cháu B về ở với mẹ là cụ L, mấy năm gần đây bà H kết hôn với người bên TB còn cháu B vẫn ở với bà ngoại là cụ L, sau khi cụ L chết thì cháu B sử dụng đất của cụ L. Thửa đất mà anh B khởi kiện chia di sản thừa kế có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị L tại xóm 4, xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định; đây là tài sản riêng của cụ L, địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị em, bác cháu trong gia đình đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nếu không thống nhất được thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XT tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 624, 625, 627, 630, 634, 635 Bộ luật Dân sự; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trần B đối với bà Nguyễn Thị L về việc chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị L; công nhận bản di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015 tại UBND xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định để lại cho anh Nguyễn Trần B được thừa kế toàn bộ thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Trần B khởi kiện “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc” theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XT, tỉnh Nam Định.

[3] Về nội dung vụ án: Để có cơ sở xem xét chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của đương sự thì cần xem xét một cách khách quan và toàn diện tài liệu chứng cứ, quy định của pháp luật trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có nhận định, đánh giá cụ thể như sau: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định, di sản của cụ L để lại là quyền sử dụng đất diện tích 204m² tại thửa số 103, tờ bản đồ số 08 xã XC. Nay anh B đề nghị chia di sản cụ L theo di chúc do cụ lập ngày 02/11/2015. Nhưng bà L không nhất trí vì cho rằng cụ L lập di chúc cho cháu B hay không thì bà không được biết. Về diện tích 204m² đất trên bà đề nghị sung quỹ UBND xã XC, tặng cho nhà nước để làm đất công, hoặc làm nhà tình thương chứ bà không bán hay cho bà H, cháu B.

[4] Xét hiệu lực của bản di chúc lập ngày 02/11/2015: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho phía nguyên đơn đã xuất trình được bản gốc di chúc, trong di chúc cụ L thể hiện ý chí của mình để lại tài sản của mình cho anh B sau khi cụ chết. Nhưng sau khi cụ L chết, anh B muốn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L không nhất trí xác nhận nên anh không thực hiện được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thừa kế theo di chúc của cụ L. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định bản di chúc lập ngày 02/11/2015 của cụ L có hiệu lực pháp luật.

[5] Việc anh B yêu cầu Tòa án công nhận di chúc thừa kế lập ngày 02/11/2015 của cụ L lập có hiệu lực. Xét thấy, việc lập di chúc và nội dung của di chúc đã phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của cụ L trong việc chuyển giao tài sản thuộc sở hữu của mình cho anh B. Hơn nữa khi lập di chúc cụ L hoàn toàn minh mẫn và khỏe mạnh, không bị ai lừa dối hay ép buộc gì, nên ý chí và nguyện vọng của cụ L cần được tôn trọng. Ngoài di chúc trên thì cụ L không có di chúc nào khác và không để lại tài sản cho ai khác. Như vậy di chúc có hiệu lực là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 624, 625, 626, 628 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh B về việc yêu cầu công nhận di chúc thừa kế của cụ L lập ngày 02/11/2015 có hiệu lực. Hiện nay, anh B vẫn đang quản lý sử dụng thừa đất và đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất trên.

[6] Từ những phân tích đánh giá lập luận ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của cụ anh B đề nghị công nhận bản di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015 tại UBND xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định là hợp pháp. Chia cho anh được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015 quyền sử dụng thừa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L không hưởng di sản thừa kế nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 624, 625, 627, 630, 635 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 166, Điều 167, điểm d khoản 1 Điều 169, Điều 170, khoản 3 Điều 188, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trần B đối với bà Nguyễn Thị L về việc chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị L để lại là hợp pháp.

2. Công nhận bản di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 02/11/2015 tại UBND xã XC, huyện XT, tỉnh Nam Định để lại cho anh Nguyễn Trần B được thừa kế toàn bộ thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08, diện tích 204m² (đo đạc thực tế là 212 m², trong đó diện tích đất Ủy ban nhân dân xã quản lý là 21 m² còn lại là 191 m² đất vườn).

(Độ dài các cạnh, diện tích từng loại đất cụ thể, anh Nguyễn Trần B được quyền sử dụng có sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án).

Anh Nguyễn Trần B có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Trần B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện XT;
- Chi cục THADS huyện XT;
- UBND xã XC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

